

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Phương Liên** - Phát triển tín dụng vi mô của các tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam. *Mã số: 180.1FiBa.12* 3  
*Developing Microcredit Activities of Microfinance Institutions in Vietnam*
- 2. Nguyễn Thị Hà** - Đánh giá quản lý nhà nước đối với dịch vụ kiểm toán độc lập dựa trên lý thuyết quản trị nhà nước tốt ở Việt Nam. *Mã số: 180.1Bacc.11* 16  
*Assess State Management of Independent Audit Services Based on the Theory of Good Governamce in Vietnam*
- 3. Bùi Thị Ngọc, Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Thị Thanh Phương** - Nghiên cứu tác động của các nhân tố đến dòng tiền thuần của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. *Mã số: 180.1FiBa.11* 38  
*Research the Impact of Factors on the Net Cash Flow of the Listed Interprise in Vietnam*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4 . Nguyễn Phương Linh và Nguyễn Đức Nhuận** - Nghiên cứu thực nghiệm về niềm tin và ý định mua hàng trực tuyến của giới trẻ Hà Nội. *Mã số: 180. 2BMkt.21* 52  
*An Empirical Study on Trust and E-Purchasing Intention of Young People in Hanoi*
- 5. Trần Đức Thắng** - Các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân ở các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Mã số: 180.2FiBa.21* 67  
*Factors Affecting Loan Repayment Among Invidual Customers of Commercial Banks in Vietnam*

- 6. Nguyễn Thanh Hùng** - Tác động của việc hợp tác giữa các bên thuộc chuỗi cung ứng dịch vụ logistics đến hiệu suất của doanh nghiệp dịch vụ gom hàng xuất khẩu: Tích hợp lý thuyết tiếp thị mối quan hệ và trao đổi xã hội. **Mã số: 180.2Badm.21** 76

*The Impact of Cooperation between Stakeholders in the Logistics Service Supply Chain on the Performance of Export Cargo Consolidator: Integrating the Theories of Relationship Marketing and Social Exchange*

- 7. Nguyễn Hữu Tịnh** - Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế - nghiên cứu trường hợp của một số nước Đông Nam Á và Đông Á. **Mã số: 180.2Deco.21** 89

*Factors Affecting Economic Growth – The Case Study of Some Southeast Asian and East Asian Countries*

## **Ý KIẾN TRAO ĐỔI**

---

- 8. Trần Ngọc Mai, Vũ Thị Thu Hằng, Hoàng Mai Lan, Ninh Thị Uyên, Dương Thị Thanh Trà và Nguyễn Thị Hương** - Tác động của rào cản công nghệ đến ý định sử dụng thương mại di động. **Mã số: 180.3TrEM.31** 101

*Impact of Technological Barriers on the Intention to Use Mobile Commerce*

# **PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG VI MÔ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Phương Liên**  
**Trường Đại học Thương mại**  
**Email: ntplien@tmu.edu.vn**

*Ngày nhận:* 10/05/2023

*Ngày nhận lại:* 29/06/2023

*Ngày duyệt đăng:* 04/07/2023

*Bài viết nghiên cứu thực trạng hoạt động tín dụng vi mô (TDVM) của các tổ chức tài chính vi mô (TCTCVM) chính thức tại Việt Nam trên các khía cạnh: Tổ chức triển khai, danh mục sản phẩm, số lượng khách hàng, dư nợ tín dụng và lợi ích hoạt động. Từ kết quả phân tích, đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong phát triển TDVM của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam, tác giả bài viết đề xuất một số khuyến nghị với TCTCVM, với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước nhằm phát triển TDVM, qua đó góp phần phát triển tài chính toàn diện theo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025.*

*Từ khóa:* Tín dụng vi mô, tổ chức tài chính vi mô chính thức.

*JEL Classifications:* E52, G18, D04

## **1. Mở đầu**

Tín dụng vi mô là một công cụ tài chính quan trọng, tạo cơ hội cho người nghèo, người có thu nhập thấp tiếp cận được nguồn vốn tín dụng để đáp ứng các nhu cầu vốn cho sản xuất, tiêu dùng, qua đó góp phần giảm nghèo đói, tăng thu nhập. Đứng trên góc độ toàn bộ nền kinh tế, TDVM phát triển sẽ góp phần thu hẹp tín dụng đen, phát triển tài chính toàn diện, giảm bớt những khác biệt về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng miền trong nền kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, thực trạng phát triển TDVM của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam những năm qua được đánh giá còn khá khiêm tốn. Số lượng khách hàng tiếp cận được TDVM mặc dù có tăng qua các năm nhưng tỉ lệ còn thấp so với

tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; quy mô cho vay còn nhỏ, sản phẩm cho vay chưa đa dạng. Điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó, số lượng các TCTCVM chính thức, số lượng địa bàn hoạt động (tính theo tỉnh/thành phố) quá ít, quy mô nguồn vốn để phát triển tín dụng vi mô hạn chế, quy định mức cho vay tối đa còn thấp là những nguyên nhân cơ bản.

Gần đây, đã có một số nghiên cứu về tài chính vi mô tại Việt Nam, như: (i) Trần Văn Biên (2023), *Sự đánh đổi giữa mục tiêu tiếp cận cộng đồng và hiệu quả tài chính của các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam trong giai đoạn 2012-2020*, Tạp chí Công Thương số tháng 4/2023; (ii) Trần Trọng Thiết (2022), *Hoạt động của TCTCVM ở Việt Nam - “đòn bẩy” góp phần thúc*

đẩy tài chính toàn diện, Tạp chí Ngân hàng số tháng 3/2022; (iii) Lê Thanh Tâm và Ngô Thị Thu Mai (2021), *Hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam trong bối cảnh phát triển tài chính toàn diện: 10 năm nhìn lại*, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 6 tháng 3/2021... Những công trình kể trên đều nghiên cứu chung về các hoạt động tài chính vi mô như: tín dụng vi mô, tiết kiệm vi mô, thanh toán vi mô, đại lý bảo hiểm vi mô, chưa đi sâu nghiên cứu từ góc độ một hoạt động dịch vụ có tính cốt lõi của TCTCVM, đó là TDVM. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất các khuyến nghị nhằm phát triển TDVM tại Việt Nam, qua đó góp phần phát triển tài chính toàn diện, nâng cao mức sống của người nghèo, người có thu nhập thấp, thu hẹp phạm vi hoạt động của tín dụng đen là vấn đề thực tiễn đã, đang và tiếp tục đặt ra.

Phát triển TDVM chịu tác động của nhiều yếu tố và liên quan đến nhiều chủ thể như: các TCTCVM chính thức, các cơ quan quản lý nhà nước về TDVM,... Để đánh giá thực trạng và đề xuất các định hướng giải pháp phát triển TDVM của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam, tác giả bài viết chủ yếu sử dụng nguồn thông tin thứ cấp (Báo cáo Nghiên cứu chẩn đoán ngành tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam của German Sparkassenstiftung for International Cooperation (2022), các báo cáo về tín dụng vi mô của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), thông tin tại website của bốn TCTCVM chính thức, báo cáo về hộ nghèo và hộ cận nghèo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội...) và xử lý thông tin, dữ liệu bằng các kỹ thuật thống kê mô tả, so sánh, phân tích tỉ lệ, phân tích tình huống điển hình (In-case study)... nhằm luận giải các vấn đề nghiên cứu.

## **2. Lý thuyết về tổ chức tài chính vi mô chính thức và tín dụng vi mô**

Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á-ADB (2000), “Tổ chức tài chính vi mô (MFI) là một dạng doanh nghiệp xã hội với mục tiêu cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ”. [1]

Ở Việt Nam, lần đầu tiên TCTCVM được thừa nhận chính thức và được định nghĩa tại Luật số 47/2010/QH12 - Luật Các Tổ chức Tín dụng: “TCTCVM là loại hình tổ chức tín dụng chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ”. [2] Khoản 6 Điều 6 Luật này cũng quy định: “Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn”. [2]

Do sự khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán, trình độ phát triển và quy định pháp luật ở mỗi quốc gia, khái niệm TCTCVM có những khác nhau nhất định, nhưng đều có điểm chung, đó là: TCTCVM cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng nghèo hơn và dễ bị tổn thương hơn so với khách hàng truyền thống của ngân hàng thương mại.

Theo tính chất pháp lý, TCTCVM gồm: TCTCVM chính thức, TCTCVM bán chính thức và TCTCVM phi chính thức. TCTCVM chính thức là TCTCVM do cơ quan quản lý nhà nước ngành ngân hàng, hoặc các cấp chính quyền địa phương cấp phép thành lập và hoạt động, chịu sự kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về lĩnh vực ngân hàng và quy định pháp luật khác có liên quan khi cung cấp dịch vụ tài chính vi mô.

Tín dụng vi mô là loại hình tín dụng hướng tới tầng lớp dân cư nghèo, người có thu nhập thấp,

doanh nghiệp siêu nhỏ và được cung cấp bởi nhiều chủ thể như: tổ chức tài chính vi mô, ngân hàng thương mại (NHTM), ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã... Tuy nhiên, mô hình tổ chức, mục tiêu, phạm vi, quy trình, nguồn tài chính để triển khai hoạt động TDVM của các chủ thể nêu trên có những điểm khác nhau nhất định.

TCTCVM chính thức thuộc dạng doanh nghiệp xã hội nhưng có nguồn thu để tự trang trải, hướng tới phát triển bền vững chứ không hoàn toàn mang tính chất phi lợi nhuận. Vì vậy, cân bằng giữa trách nhiệm xã hội với khả năng sinh lợi và bền vững tài chính là một đặc điểm để phân biệt sự khác nhau giữa tín dụng vi mô của TCTCVM chính thức với các tổ chức tín dụng (TCTD) khác hoạt động có tính chất thương mại và TCTD chính sách.

Tín dụng vi mô của TCTCVM chính thức có các đặc điểm cơ bản sau:

- TDVM là sản phẩm tài chính dành cho người nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn. Bản thân họ không có vốn để khởi tạo công việc kiếm sống và/hoặc kinh doanh nhỏ, khó có cơ hội tiếp cận vốn của các TCTD thương mại thông thường do không có tài sản thế chấp để đảm bảo việc trả nợ cho các khoản vay, thậm chí khả năng sử dụng hiệu quả vốn vay cũng còn nhiều hạn chế. Giá trị khoản cho vay của TCTCVM có quy mô thấp hơn rất nhiều so với tín dụng thương mại thông thường, do hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng TDVM có quy mô nhỏ, đơn lẻ và mang tính cá thể.

- Mục đích của TDVM là giúp người nghèo, người có thu nhập thấp có cơ hội thoát nghèo bền vững thông qua việc trao cho họ cơ hội tiếp cận vốn để họ thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh cải thiện cuộc sống bản thân và gia đình. Ngoài ra, với chức năng trung gian xã hội,

TCTCVM còn thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn, hướng dẫn khách hàng vay cách sử dụng vốn vay hiệu quả, có kế hoạch trả nợ và tiết kiệm để từng bước thoát nghèo. Trường hợp TDVM sử dụng nguồn hỗ trợ tài chính từ các chương trình, dự án tài chính vi mô để cho vay, TDVM còn là công cụ truyền dẫn chính sách của nhà tài trợ, ủy thác vốn... hướng tới mục tiêu gia tăng mức độ bao phủ các dịch vụ tài chính đến với mọi đối tượng sử dụng, đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm xã hội luôn song hành với mục tiêu sinh lợi và phát triển bền vững tài chính.

- TDVM của TCTCVM chính thức thường triển khai theo một trong hai hình thức cơ bản: cho vay theo tổ/nhóm và cho vay trực tiếp tới từng cá nhân. Cho vay theo tổ/nhóm là hình thức cung cấp món tiền vay tới các thành viên trong cùng một tổ/nhóm - những người có chung nguyện vọng, đặc điểm tương đồng và sinh sống trên cùng một địa bàn.

- Hồ sơ, thủ tục cho vay của TCTCVM chính thức thường được thiết kế khá đơn giản, phù hợp với đặc thù của khách hàng vay là người nghèo, trình độ thấp. TCTCVM không yêu cầu người vay có tài sản thế chấp, mà chỉ dựa vào mức độ tín chấp (có thể là bảo lãnh của tổ/nhóm) và/hoặc tiết kiệm bắt buộc. Tuy nhiên, người vay phải tuân thủ một số quy định bắt buộc như giải trình việc sử dụng vốn, cam kết thực hiện trách nhiệm trả nợ, hoặc cam kết trách nhiệm của mỗi thành viên khi tham gia sinh hoạt tổ/nhóm tiết kiệm và vay vốn.

- TCTCVM chính thức thường tổ chức địa điểm phát tiền vay thuận tiện ngay tại khu dân cư sinh sống giúp khách hàng, nhất là đối với những người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận dịch vụ TDVM một cách nhanh nhất, tốt nhất và phù hợp nhất.

Phương pháp hoàn trả dần theo ngày, tuần, hoặc tháng trên cơ sở các khoản thu từ việc bán hàng, tiền thu hoạch hoa màu,... cũng là phương pháp được sử dụng phổ biến để thu hồi nợ vay.

### 3. Thực trạng tín dụng vi mô của các tổ chức tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam

Ở Việt Nam, các chương trình tài chính vi mô bắt đầu xuất hiện từ cuối những năm 80 của thế kỉ 20, với tên gọi là tài chính quy mô nhỏ, hoạt động chủ yếu thông qua các chương trình, dự án tiết kiệm - tín dụng, hoặc hợp phần tín dụng trong dự án phát triển tổng hợp của các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs), tổ chức quốc tế (FAO, UNFPA, UNDP, WB, ADB...), hoặc dự án song phương (BTC, SIDA Thụy Điển...) nhằm vào nhóm đối tượng đích tại các vùng lựa chọn của họ. Trải qua một thời gian hoạt động tương đối dài, đến năm 2010, TCTCVM chính thức đầu tiên được cấp giấy phép thành lập, đó là: Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tình thương (TYM). Ba

TCTCVM tiếp theo được cấp phép vào các năm 2012 (Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7/M7-MFI), 2014 (Tổ chức tài chính vi mô TNHH Thanh Hóa/ThanhHoa-MFI), và 2016 (Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm/CEP). Đến nay, số lượng TCTCVM được NHNN cấp phép hoạt động theo Luật các Tổ chức Tín dụng (TCTD) vẫn duy trì ở con số 04 tổ chức này. Cả 04 TCTCVM chính thức được cấp giấy phép hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ các tổ chức bán chính thức có hoạt động tài chính vi mô và được thành lập bởi các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH): CEP được thành lập bởi Tổng Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) Việt Nam, 03 tổ chức còn lại do Hội Liên Hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam thành lập. Trong ba năm 2020-2022, mặc dù chịu tác động nặng nề của đại dịch covid-19, các TCTCVM vẫn hoạt động kinh doanh có lãi và có tỉ lệ an toàn vốn khá cao (xem bảng 1).

**Bảng 1:** Thực trạng hoạt động của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022
1	Số lượng TCTCVM	4	4	4	4
2	Tỉnh thành/quận hoạt động	25/177	25/183	25/193	25/NA
3	Số lượng chi nhánh/đại lý	116	119	123	135(65/70)
4	Số lượng nhân viên	1.393	1.442	1.505	NA
5	Tổng số khách hàng	587.355	599.338	594.916	NA
6	Vốn chủ sở hữu (triệu VND)	1.772.647	1.959.455	2.082.440	2.280.000
7	Tổng tài sản (triệu VND)	8.000.707	8.661.708	8.498.997	10.070.000
8	Tỉ lệ an toàn vốn - CAR (%)	22	23	25	32,6
9	Tổng thu nhập (triệu VND)	1.086.546	1.222.965	1.196.272	1.291.973
10	Lợi nhuận ròng (triệu VND)	182.399	202.219	212.455	251.000

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [3] và [4])

**\* Thực trạng tổ chức triển khai tín dụng vi mô**

Những năm gần đây, mặc dù địa bàn hoạt động tính theo số tỉnh/thành phố của các TCTCVM chính thức không thay đổi (vẫn dừng lại ở con số 25), nhưng số lượng chi nhánh, đại lý, số lượng nhân viên, địa bàn hoạt động tính theo quận/huyện có xu hướng tăng lên (xem bảng 1).

Trong quá trình cung cấp TDVM, các tổ chức đoàn thể CT-XH là bên liên quan chính. Những tổ chức này có tầm ảnh hưởng lớn không chỉ đến thành viên của các tổ tiết kiệm-vay vốn, mà còn đến cả khách hàng tiềm năng của TCTCVM. Lãnh đạo Hội LHPN/LĐLD địa phương vừa tham gia lãnh đạo các tổ/nhóm vay vốn, hỗ trợ TCTCVM tìm kiếm khách hàng mới, tham gia giám sát việc sử dụng khoản vay, tham gia vào các dự án, hoạt động giáo dục và xã hội. Vì vậy có thể nói, tổ chức đoàn thể CT-XH là một kênh truyền thông, phân phối, giám sát quan trọng của TCTCVM. Ngoài ra, các tổ chức CT-XH này cũng tham gia vào dự án tài chính vi mô bán chính thức, quỹ xã hội ở địa phương, là đối tác quan trọng của Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) nên không thể tránh khỏi những cạnh tranh nhất định giữa TCTCVM chính thức với các tổ chức khác trong quan hệ phối hợp với tổ chức CT-XH. Trường hợp, người dân lao động nghèo có nhu cầu vay vốn không phải là thành viên của hai tổ chức đoàn thể CT-XH nêu trên, TCTCVM thường phối hợp với ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn, hoặc ban điều hành khu phố,... để phối hợp triển khai hoạt động TDVM.

**\* Thực trạng các sản phẩm tín dụng vi mô**

Các TCTCVM chính thức tại Việt Nam đã và đang cung cấp các sản phẩm TDVM với các mục

đích, kì hạn và lãi suất khác nhau. Hầu hết sản phẩm, mức cho vay tối đa là 50 triệu đồng, trừ một số trường hợp ngoại lệ (xem bảng 2).

**\* Kết quả triển khai tín dụng vi mô**

Cùng với sự phát triển của số lượng kênh phân phối (chi nhánh, đại lý) và số địa bàn (quận/huyện) hoạt động (xem bảng 1), số lượng khách hàng vay vốn và dư nợ cho vay năm 2022 của các TCTCVM tăng nhẹ so với các năm trước (xem bảng 3). Năm 2020-2021, dưới tác động của đại dịch covid-19, hầu hết các nền kinh tế, trong đó có Việt Nam rơi vào tình trạng suy thoái, trì trệ làm cho nhu cầu vay vốn để trang trải cuộc sống, hỗ trợ mất thu nhập gia tăng; nhu cầu vay vốn cho sản xuất - kinh doanh nói chung, trong đó có vay kinh doanh nhỏ của hộ gia đình, vay xây dựng sửa chữa nhà cửa giảm đi rõ rệt. Bằng nhiều biện pháp, chính sách hỗ trợ tích cực (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ...) của Chính phủ, từ năm 2022, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có những chuyển biến tích cực, nhu cầu vay vốn cho sản xuất, kinh doanh có xu hướng tăng lên.

Trong danh mục sản phẩm tín dụng của TCTCVM, cho vay tiêu dùng chiếm khoảng 30-56% và được đánh giá là khá phù hợp khách hàng TCVM do điều kiện cho vay thuận tiện. Các khoản cho vay bằng nguồn vốn tài trợ thường hướng tới nhóm khách hàng theo định hướng của tổ chức tài trợ/hỗ trợ vốn như: tín dụng xanh, cho vay cải tạo nhà ở, cho nông dân vay,... chiếm khoảng 3-5% tổng dư nợ. Các khoản cho vay chính sách lãi suất thấp (cho vay hộ nghèo và cận nghèo) chiếm tỉ lệ khoảng 2-3%. Còn lại là cho vay sản xuất kinh doanh và nhu cầu vay khác. [3]

**\* Lợi ích đối với nền kinh tế - xã hội của tín dụng vi mô**

Với đặc điểm cho vay không đòi hỏi thế chấp tài sản, thủ tục đơn giản, thuận tiện, giải ngân tại

**Bảng 2:** Danh mục sản phẩm TDVM của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam

Tên sản phẩm	Mục đích cho vay	Số tiền cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất danh nghĩa	Lãi suất thực tế (năm)	Điều kiện cho vay
1. Cho vay (CV) kinh doanh	Tạo thu nhập	5-50 triệu đồng	4-36 tháng	0,17-0,2%/tuần 0,6-1%/tháng	13,7-22%	Có khả năng trả nợ
2. Cho công nhân viên chức vay	Tiêu dùng	Lên tới 50 triệu đồng	5-36 tháng	0,55%/tháng	12,2%	Lương thường xuyên
3. CV trang trải cuộc sống	Mọi mục đích hợp pháp cho kinh doanh, tiêu dùng	Lên tới 50 triệu đồng	6-12 tháng	10,3-11%	19-24%	Khả năng trả nợ tốt
4. CV xây nhà, sửa chữa, xây dựng	Cải thiện điều kiện sống	Lên tới 50 triệu đồng	5-36 tháng	0,6%/tháng	12-15%	Kiểm tra nhu cầu
5. CV nhu cầu khẩn cấp	Nhu cầu đột ngột do thiên tai	Lên tới 15 triệu đồng	4-12 tháng	0,5%/tháng	10-11%	Kiểm tra nhu cầu
6. CV trong đại dịch covid-19	Hỗ trợ mất thu nhập	Lên tới 30-50 triệu đồng	5-12 tháng	0,15-0,3%/tháng	3-6%	Các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi đại dịch covid-19
7. CV chính sách đối với người nghèo	Các khoản CV ưu đãi để tạo thu nhập	Lên tới 30-50 triệu đồng	6-36 tháng	0,2-0,4%/tháng	5-8%	Phù hợp với tiêu chí nghèo theo quy định của Chính phủ
8. CV theo mùa vụ	Sản xuất/Nông nghiệp	Lên tới 3-10 triệu đồng	3-24 tháng	0,7%/tháng	14-18%	Kinh doanh có thu nhập không thường xuyên
9. CV đầu tư	Mở rộng kinh doanh	Lên tới 51-100 triệu đồng	13-24 tháng	8-9%	15-19%	Khả năng trả nợ tốt
10. CV tạo việc làm	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Lên tới 51-100 triệu đồng	25-100 tuần	8-9%	15-18%	Doanh nghiệp đã đăng ký với tối thiểu 3 nhân viên

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [3], [5], [6] [7] [8])



**Bảng 3:** Số khách hàng và dư nợ tín dụng của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022
1	Số khách hàng vay vốn	469.779	467.933	467.994	477.280
2	Dư nợ tín dụng (triệu VND)	6.778.678	7.411.043	7.316.114	8.750.000

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [3] và [4])

địa phương, nhân viên tận tình, thân thiện, TDVM của các TCTCVM chính thức đã thu hút được khá đông đảo tầng lớp nông dân, công nhân, người lao động tự do, người nghèo trong xã hội. Đây là những ưu điểm nổi trội của TDVM so với tín dụng đen và so với hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính (điều kiện cho vay của công ty tài chính: có tài sản thế chấp, lãi suất thực tế khá cao - thường lên tới trên 30%, phương thức đòi nợ trong một số trường hợp chậm trả nợ, như một số báo chí phản ánh, khá thô lỗ - kiểu xã hội đen).

Đại dịch COVID-19 (bắt đầu khởi phát từ cuối tháng 12/2019) đã gây ra nhiều khó khăn cho đời sống kinh tế của nông dân, công nhân và người lao động... nhất là khi họ bị mất việc làm, giảm thu nhập, kéo theo nhu cầu vay vốn tăng và tín dụng đen có nhiều cơ hội đẩy mạnh hoạt động. Công nghệ phát triển cũng tạo điều kiện để tín dụng đen tiếp cận người vay nhanh hơn thông qua các app cho vay trực tuyến. Thực tế cho thấy, bên cạnh các ứng dụng cho vay trực tuyến của NHTM, công ty tài chính hoạt động công khai, minh bạch, cũng xuất hiện nhiều app không rõ nguồn gốc về đơn vị chủ quản, có biểu hiện của hoạt động tín dụng đen, cho vay nặng lãi. Theo bà Nguyễn Thị Hoàng Vân - Tổng Giám đốc CEP, “Hiện có trên 72 app cho vay trực tuyến, trong đó nhiều app cho vay mời chào rất hấp dẫn như phục vụ 24/7, giải ngân 15 phút, lãi suất thấp, chỉ cần chứng minh nhân dân. Tuy nhiên, lãi suất thực

người vay phải trả rất cao, được ân dưới các loại phí như: Phí bản quyền, phí dịch vụ, phí xử lý, phí phạt thanh toán không đúng hạn”. [5]

Với cùng một lượng cầu TDVM, khi cung TDVM của TCTCVM tăng tất yếu sẽ làm cung tín dụng đen giảm, do đối tượng khách hàng này khó có khả năng tiếp cận các nguồn cung TDVM khác. Vì vậy, có thể khẳng định: TDVM của các TCTCVM chính thức đã góp phần thu hẹp tín dụng đen trong nền kinh tế - xã hội. Theo nghiên cứu của German Sparkassenstiftung for International Cooperation (2022) “Các TCTCVM chính thức đang đóng góp rất quan trọng vào sự phát triển của tài chính toàn diện và theo sau là sự phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của người dân. Bên cạnh đó, TDVM cũng tạo ra nguồn thu nhập chính yếu nhất cho các TCTCVM chính thức tại Việt Nam“. [3] (hộp 1)

### 3. Những vấn đề đặt ra trong phát triển tín dụng vi mô của các TCTCVM chính thức tại Việt Nam

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, hoạt động TDVM của các TCTCVM chính thức vẫn còn những hạn chế nhất định.

*Thứ nhất*, số lượng khách hàng tiếp cận được TDVM của các TCTCVM chính thức mặc dù có tăng qua các năm nhưng tỉ lệ còn thấp so với tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo. Năm 2022, số khách hàng vay vốn tại 04 TCTCVM khoảng 477.280 người/hộ gia đình. Theo kết quả khảo sát mức sống năm 2022 của Bộ Lao động - Thương

**Hộp 1: Hoạt động tín dụng vi mô của CEP**

Trong tổng số 65 chi nhánh của 04 TCTCVM chính thức, hoạt động tại 25 tỉnh, thành phố trên cả nước, CEP là tổ chức có mạng lưới hoạt động với độ bao phủ rộng nhất, gồm 36 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và 9 tỉnh lân cận; tiếp đến là TYM có 21 chi nhánh tại 13 tỉnh thành của khu vực Bắc và Bắc Trung bộ; M7 - MFI có 03 chi nhánh hoạt động trên địa bàn 2 tỉnh Sơn La và Quảng Ninh; và Thanh Hóa - MFI có 04 chi nhánh hoạt động trên một địa bàn tỉnh Thanh Hóa. (Nguồn: Tác giả tổng hợp từ [5]; [6]; [7]; [8])

CEP hoạt động vì lợi ích của công nhân, người lao động nghèo và thu nhập thấp, giúp họ giảm nghèo, thoát nghèo bền vững thông qua việc cung cấp trực tiếp các dịch vụ tài chính và phi tài chính cho những khách hàng đang sống, làm việc trong các cộng đồng ở TP.HCM, một số tỉnh miền Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long một cách bền vững, trung thực và hiệu quả. Nhóm khách hàng mục tiêu của CEP gồm: người lao động nhập cư chưa có hộ khẩu thường trú và công nhân lao động tại những cộng đồng có điều kiện sinh sống không ổn định và những khu vực kém phát triển ở vùng ven đô thị, đặc biệt là lao động trực tiếp sản xuất tại những khu vực đang phát triển ở các khu công nghiệp, khu chế xuất tại TP.HCM và các tỉnh có chi nhánh của CEP đang hoạt động.

Các sản phẩm TDVM chính của CEP gồm: cho vay hộ nghèo, cho vay hộ kinh doanh, cho vay khẩn cấp, cho vay mùa vụ, cho vay học nghề, tạo việc làm tăng thu nhập, cho vay cải thiện nhà ở. Đối với công nhân, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, CEP cung cấp dịch vụ đến tận tay công nhân viên chức, người lao động tại nơi làm việc thông qua việc phối hợp chặt chẽ với công đoàn cơ sở tại đơn vị. Đối với người dân lao động trên địa bàn dân cư, CEP phối hợp chặt chẽ với ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn, ban điều hành khu phố/ấp và cụm trường để phục vụ người dân lao động tại địa phương.

Tối thiểu 80% khách hàng mới tham gia chương trình TDVM của CEP là những người nghèo và nghèo nhất. Khách hàng của CEP được phân thành 3 nhóm: nghèo nhất, nghèo và tương đối nghèo. Việc đánh giá phân loại mức nghèo để xác định khách hàng tiềm năng thực hiện theo phương pháp định lượng dựa vào bộ chỉ số kết hợp giữa các yếu tố liên quan đến hộ gia đình, gồm: tỉ lệ phụ thuộc trong gia đình, mức thu nhập, chỉ số tài sản và điều kiện nhà ở.

**Phân loại khách hàng theo tiêu chuẩn của CEP**

Phân loại hộ nghèo	Tỷ lệ phụ thuộc	Mức thu nhập (đồng/người/ngày)*	Tài sản	Điều kiện nhà ở
Nghèo nhất	Từ 3 trở lên	Nhỏ hơn 30.000	Không có hoặc tối thiểu và chất lượng thấp	Chất lượng thấp, không kiên cố, thiếu điện và nước sinh hoạt
Nghèo	Từ 2 đến dưới 3	30.000 – 76.713	Cũ và chất lượng thấp	Chất lượng kém, bán kiên cố, nhưng không có điện hoặc nước sinh hoạt
Tương đối nghèo	Nhỏ hơn 2	Trên 76.713	Chất lượng thấp đến trung bình	Kiên cố, có điện và nước sinh hoạt

(\* Theo chuẩn nghèo về thu nhập của Thành phố Hồ Chí Minh)

Đến cuối tháng 12/2022, CEP đang cung cấp TDVM đến gần 341.000 khách hàng công nhân, người lao động (chiếm 71,45% tổng số khách hàng vay vốn tại các TCTCVM chính thức) với tổng dư nợ cho vay là 5.608 tỉ đồng (chiếm 64,09% tổng dư nợ cho vay của các TCTCVM chính thức). Các khoản cho vay với lãi suất thấp và lịch hoàn trả phù hợp từ CEP đã giúp công nhân, người lao động và gia đình họ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống mà không phải sử dụng “tín dụng đen”.

(Nguồn: [5] và tính toán của tác giả)

binh và Xã hội (LĐTĐBXH) (được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm 46.995 hộ đại diện cho toàn quốc, khu vực thành thị, nông thôn, 6 vùng địa lý, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương), tổng số hộ nghèo năm 2022 là 1.057.374 hộ, chiếm 4,3%; nếu tính cả hộ nghèo và hộ cận nghèo, con số này là 1.972.767 hộ, chiếm 7,52. [9]. Số liệu này cho thấy, tỉ lệ người/hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận được dịch vụ TDVM của TCTCVM chính thức mới chỉ chiếm khoảng 24% số hộ nghèo và cận nghèo (nếu có số liệu thống kê tách trừ được số lượng doanh nghiệp siêu nhỏ vay vốn tại TCTCVM, tỉ lệ này còn thấp hơn).

*Thứ hai*, quy mô cho vay của TCTCVM chính thức còn nhỏ chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay của khách hàng, sản phẩm cho vay chưa đa dạng. Theo báo cáo “Nghiên cứu chẩn đoán ngành tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam”, (khảo sát 85 nhân viên của 4 TCTCVM chính thức) cho thấy: “Ít nhất một nửa trong số khách hàng của họ muốn vay số tiền cao hơn nhưng TCTCVM không phê duyệt do nếu chấp thuận cho vay sẽ vi phạm quy định pháp luật hiện hành. [3] Mức cho vay nhỏ cũng là lý do khiến khách hàng dời bỏ TCTCVM để tìm đến TCTD khác. Bên cạnh đó, mặc dù danh mục tín dụng của TCTCVM dao động khoảng trên dưới 10 sản phẩm (xem bảng 2), nhưng “mỗi tổ chức thường tập trung chủ yếu vào 2-3 sản phẩm chính, chiếm 80-90% dư nợ tín dụng và thời hạn cho vay thường ngắn hạn. Các khoản cho vay chính sách đối với người nghèo và cận nghèo của TCTCVM những năm qua có xu hướng giảm”. [3]

Thực tế này do nhiều nguyên nhân, trong đó không thể không kể đến những khó khăn, vướng mắc từ các TCTCVM chính thức và chính sách hiện hành của Chính phủ.

#### **Nguyên nhân từ các TCTCVM chính thức:**

*Một là*, số lượng các TCTCVM chính thức, số lượng địa bàn hoạt động (tính theo tỉnh/thành phố) quá ít. Trong suốt giai đoạn nghiên cứu, số lượng TCTCVM chính thức vẫn duy trì ở 04 tổ chức, chưa thực hiện được mục tiêu tăng số lượng các TCTCVM để gia tăng khả năng tiếp cận dịch vụ khách hàng theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; số tỉnh/thành các TCTCVM hoạt động vẫn chỉ là con số 25. Thực tế cho thấy, tại hầu hết 63 tỉnh thành đều có người nghèo, người có thu nhập thấp và có nhu cầu vay vốn. Theo công bố Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 của Bộ LĐTĐBXH, cả nước chỉ có hai tỉnh/thành phố (Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu) có tỉ lệ hộ nghèo là 0%. Một số tỉnh như Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Hà Giang tỉ lệ nghèo và cận nghèo rất cao (lần lượt là 39,5%; 39,98%; 43,7%; 49,96%) [9]. Do giới hạn về địa bàn hoạt động, các TCTCVM chính thức chưa thể tiếp cận tới đông đảo khách hàng là những hộ nghèo tại những địa bàn mà TCTCVM chưa có chi nhánh/đại lý. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho số lượng khách hàng vay vốn và dư nợ cho vay của TCTCVM mặc dù có tăng nhưng không đáng kể.

*Hai là*, quy mô nguồn vốn của các TCTCVM chính thức còn quá nhỏ. Năm 2022, vốn chủ sở hữu trung bình của mỗi TCTCVM chính thức chỉ ở mức 570 tỉ đồng (2.280 tỉ đồng/4 tổ chức), chỉ bằng khoảng 19% quy mô vốn tự có của một NHTM Việt Nam nhỏ nhất, tổng các nguồn vốn khác (nguồn vốn huy động, đi vay, nhận ủy thác...) trung bình chỉ ở mức 1.947,5 tỉ đồng. Quy mô nguồn vốn quá nhỏ là nguyên nhân tất yếu dẫn đến những khó khăn trong phát triển TDVM của các TCTCVM này.

Ba là, các TCTCVM triển khai hoạt động truyền thông chủ yếu thông qua hình thức tiếp thị trực tiếp, ít có kinh nghiệm và năng lực thực hiện các chiến dịch tiếp thị chuyên nghiệp. Theo kết quả khảo sát từ 85 cán bộ nhân viên của TCTCVM, “gặp mặt của cá nhân cán bộ tín dụng, quản lý chi nhánh tại nhà khách hàng là phổ biến nhất (mức đánh giá xếp theo thứ tự lần lượt là 67% và 50%). Các hình thức truyền thông khác như: nhắn tin qua điện thoại di động, quảng cáo (qua tivi, đài báo), họp mặt nhóm, giúp đỡ của hội phụ nữ, công đoàn chỉ đạo động trong khoảng 10-20%”. [3] Đây là nguyên nhân làm cho thông tin về TDVM của TCTCVM chính thức bị hạn chế, chưa có khả năng lan tỏa đến đông đảo người nghèo, người có thu nhập thấp.

Ngoài ra, trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày càng phát triển, những bất cập về phương tiện trao đổi thông tin, yếu kém về năng lực công nghệ của TCTCVM chính thức cũng là những vấn đề đặt ra cần giải quyết để tạo thuận tiện cho khách hàng và tiết kiệm chi phí cho tổ chức. Những năm qua, phần lớn việc xử lý khoản vay của TCTCVM được thực hiện tại nhà khách hàng bằng máy tính bảng, bên cạnh sự thuận tiện cho khách hàng cũng gây ra những khó khăn, tốn kém thời gian, chi phí cho TCTCVM. Việc thông báo lãi suất, thời hạn thanh toán, yêu cầu trả gốc/lãi tiền vay cho khách hàng vay vốn bằng các phương tiện điện tử, qua Zalo/SMS... còn chiếm tỉ lệ nhỏ. Do còn nhiều hạn chế, yếu kém về công nghệ thông tin nên các TCTCVM phải phụ thuộc vào đối tác bên ngoài, dẫn đến chậm trễ về thời gian và tốn kém chi phí trong việc áp dụng công nghệ hiện đại. Theo kết quả khảo sát từ 85 cán bộ nhân viên của TCTCVM, “khả năng tiếp nhận thay đổi số hóa của nhân viên, an ninh mạng, bảo mật giữ liệu là những thách thức lớn nhất trong

công cuộc số hóa của TCTCVM (mức đánh giá rất quan trọng xếp theo thứ tự lần lượt là 60%, 65% và 70%)”. [3]

### **Nguyên nhân từ những bất cập trong chính sách hiện hành:**

*Thứ nhất*, theo Quy định tại khoản 5 điều 32 Thông tư 03/2018/TT-NHNN, tổng dư nợ cho vay của TCTCVM đối với một khách hàng tài chính vi mô không quá 50 triệu đồng, tổng dư nợ cho vay của TCTCVM đối với một khách hàng khác không quá 100 triệu đồng. Giới hạn mức cho vay tối đa thấp đã làm cản trở hoạt động cung ứng TDVM của TCTCVM với những đề nghị vay vốn có nhu cầu vay số tiền nhiều hơn.

*Thứ hai*, quy định “hình thức pháp lý của TCTCVM là công ty TNHH, có không quá 05 chủ sở hữu, một trong số đó bắt buộc là tổ chức chính trị - xã hội” đã gây khó khăn cho TCTCVM trong huy động vốn chủ sở hữu, tác động đến quy mô nguồn vốn để phát triển tín dụng vi mô.

*Thứ ba*, chưa có chính sách tài chính khuyến khích TCTCVM phát triển các sản phẩm TDVM ưu đãi lãi suất (tín dụng chính sách). Những năm qua, TCTCVM chính thức không nhận được bất cứ khoản hỗ trợ nào từ Chính phủ khi triển khai các khoản cho vay lãi suất thấp đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo. Song hành với trách nhiệm xã hội, TCTCVM chính thức cũng là một doanh nghiệp phải hạch toán để đảm bảo thu nhập bù đắp chi phí và bền vững tài chính. Trong điều kiện nguồn vốn có hạn, lại không được Nhà nước hỗ trợ tài chính (giảm thuế đối với phần doanh số cho vay ưu đãi lãi suất chẳng hạn) nên TCTCVM không thể luôn luôn duy trì hoặc gia tăng tỉ lệ các khoản cho vay chính sách.

### **4. Một vài khuyến nghị**

Mặc dù thị phần tín dụng của các TCTCVM chính thức những năm qua chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ

trong tổng giá trị của thị trường tín dụng, nhưng TDVM đã có những đóng góp rất quan trọng vào sự phát triển của tài chính toàn diện, và theo sau là sự phát triển kinh tế - xã hội, hạn chế, ngăn ngừa tín dụng đen và nâng cao mức sống của hộ gia đình nghèo, gia đình có thu nhập thấp. Vì vậy, trong bối cảnh ngân sách nhà nước (NSNN) hạn chế, chi NSNN cho tín dụng chính sách qua NHCSXH có giới hạn, tiếp tục phát triển tài chính vi mô nói chung, tín dụng vi mô nói riêng là yêu cầu cấp thiết để phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội. Điều này, cũng đã được thể hiện rõ tại Chiến lược phát triển ngành ngân hàng theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ “Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các TCTCVM phát triển, tăng số lượng các TCTCVM để gia tăng khả năng tiếp cận dịch vụ khách hàng, hỗ trợ việc triển khai chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện”. [10]

Để thực hiện mục tiêu này, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cả vi mô và vĩ mô. Sau đây là một số định hướng giải pháp cơ bản.

#### ***Với các tổ chức tài chính vi mô chính thức***

*Một là*, tăng cường phát triển các chi nhánh, đại lý

Theo công bố Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 của Bộ LĐTBXH, “Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất (14,23%) với tổng số hộ nghèo là 455.271 hộ; tiếp đến là vùng Tây Nguyên có tỉ lệ hộ nghèo là 8,39% với tổng số hộ nghèo là 129.160 hộ; Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có tỉ lệ hộ nghèo là 4,99% với tổng số hộ nghèo là 284.137 hộ; Vùng đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ hộ nghèo là 2,26% với tổng số hộ nghèo là 109.767 hộ; Vùng đồng bằng sông Hồng có tỉ lệ hộ nghèo là 1% với tổng số hộ nghèo là 69.239 hộ; Vùng Đông Nam Bộ có tỉ lệ hộ nghèo là 0,21% với tổng

số hộ nghèo là 9.710 hộ”. [9] Vì vậy, để thực hiện mục tiêu thu hút thêm nhiều khách hàng và phục vụ tốt hơn tập khách hàng mục tiêu (hộ nghèo và cận nghèo) theo định hướng phát triển TDVM (giải ngân tại địa phương, tạo thuận lợi nhất cho khách hàng vay vốn,...), các TCTCVM chính thức cần nghiên cứu mở thêm mạng lưới các chi nhánh, đại lý gần với địa bàn sinh sống, làm việc của khách hàng, trước hết là ở những vùng có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn dựa trên kết quả công bố tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của Bộ LĐTBXH.

*Hai là*, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng vi mô

Theo kết quả khảo sát từ 1.276 khách hàng tài chính vi mô của German Sparkassenstiftung for International Cooperation năm 2022, nhu cầu vay của khách hàng TDVM khá đa dạng “33% có nhu cầu vay để kinh doanh, buôn bán nhỏ, 22% có nhu cầu vay mua sắm phục vụ tiêu dùng, 16% vay thi công xây dựng, 9% vay mua gia súc, 7% vay đầu tư máy móc thiết bị, 6% vay mua hạt giống, còn lại là nhu cầu khác”. [3] Thực tế cũng cho thấy, khi đại dịch covid-19 được kiểm soát, nhu cầu vay vốn cho sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế gia tăng, trong đó có nhu cầu vay vốn của các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ. Do vậy, để phát triển đa dạng các sản phẩm TDVM, các TCTCVM chính thức cần tăng cường và đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, tạo cơ sở để đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu vay vốn ngắn, trung và dài hạn của khách hàng, đặc biệt là nhu cầu vốn cho kinh doanh, buôn bán nhỏ, thi công, mua sắm máy móc thiết bị, bên cạnh các nhu cầu vay vốn tiêu dùng khác.

*Ba là*, nghiên cứu phát triển đa dạng các hình thức truyền thông, các phương thức giao tiếp với khách hàng, nhất là các hình thức/phương thức gắn liền với sự phát triển của công nghệ (quảng

cáo online, qua thư điện tử/email, qua mạng xã hội/Social Media; giao tiếp với khách hàng qua Zalo/SMS/email... ). Phát triển công nghệ thông tin, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, đảm bảo sự phù hợp giữa công nghệ với các giá trị cốt lõi và cấu trúc của tổ chức. Quá trình phát triển, đổi mới hệ thống công nghệ thông tin tại tổ chức phải kết hợp với việc tăng cường hợp tác giữa TCTCVN với các TCTD khác và Fintech, để gia tăng cơ hội tiếp cận TDVM cho người dân. Tăng cường các hoạt động đào tạo, huấn luyện để nâng cao năng lực cho nhân viên, giúp khách hàng vay vốn tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính trên nền tảng số.

#### ***Với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước***

Để phát triển TDVM, cùng với những nỗ lực tự thân của các TCTCVN chính thức, Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các hoạt động của TCTCVN. Có cơ chế hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi cho các TCTCVN bán chính thức. Thực hiện những chính sách ưu đãi để phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ hoạt động của các TCTCVN hướng tới tài chính toàn diện. Nâng mức cho vay tối đa, tương ứng với mức cho vay tối đa đối với một khách hàng của NHCSXH để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người vay. Thực tế cho thấy, trong điều kiện nguồn vốn không thay đổi, khi số tiền cho vay tính trên một khách hàng càng cao, rủi ro đối với TCTCVN càng lớn, đồng thời nguồn lực tài chính phục vụ khách hàng lớn sẽ tăng lên và số khách hàng nhỏ ít được phục vụ hơn. Tuy nhiên, nếu số tiền cho vay quá nhỏ, không đủ mức tối thiểu để đáp ứng nhu cầu cấp bách sẽ làm giảm hiệu quả kinh tế - xã hội của món vay.

Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu, ban hành cơ chế phù hợp nhằm tạo điều kiện

thuận lợi cho TCTCVN có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn vốn có chi phí phù hợp với đặc thù của TCTCVN. Xây dựng cơ chế khuyến khích các NHTM trích một phần nguồn vốn tín dụng ưu đãi để cho các TCTCVN vay. NHNN phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội (LĐLĐ, HPN...) tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện để nâng cao nhận thức về hoạt động TDVM và kiến thức TDVM cho cán bộ, hội, đoàn thể địa phương nhằm hỗ trợ TCTCVN chính thức trong tuyên truyền, phổ biến kiến thức giúp người dân có thêm những hiểu biết về TDVM và các TCTCVN chính thức, qua đó góp phần gia tăng khả năng tiếp cận của TCTCVN với khách hàng của mình.

Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung, sửa đổi chính sách thuế, phí phù hợp để hỗ trợ phát triển hoạt động TDVM, trước hết là chính sách ưu đãi miễn/giảm thuế cho các TCTCVN chính thức khi triển khai TDVM lãi suất thấp bằng nguồn vốn huy động và vốn vay.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố nghiên cứu bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ nguồn vốn, nghiên cứu hỗ trợ quỹ đất cho TCTCVN xây dựng chi nhánh, bố trí cơ sở hạ tầng chưa sử dụng giúp TCTCVN tiết kiệm được chi phí đầu tư văn phòng chi nhánh, đại lý...

#### **5. Kết luận**

Tín dụng vi mô là công cụ quan trọng góp phần hạn chế tín dụng đen, thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập cho gia đình nông dân, công nhân, người lao động tự do thuộc hộ nghèo và cận nghèo. Tuy nhiên, thực trạng phát triển TDVM những năm qua tại Việt Nam được đánh giá còn khiêm tốn, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận được TDVM của các TCTCVN chính thức còn thấp.

Để tín dụng vi mô thực sự trở thành công cụ đắc lực trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025 và Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến 2030, cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó: (i) Tăng cường phát triển các chi nhánh, đại lý; Đa dạng hóa sản phẩm TDVM; Phát triển công nghệ thông tin, đa dạng hóa các hình thức truyền thông, các phương thức giao tiếp với khách hàng, nâng cao trình độ nhân viên của TCTCVM; (ii) Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý cho hoạt động của TCTCVM, có cơ chế hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực chuyên đổi các TCTCVM bán chính thức, nâng mức cho vay tối đa, sửa đổi chính sách thuế, phí phù hợp để hỗ trợ phát triển hoạt động TDVM, bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ nguồn vốn, hỗ trợ quỹ đất cho TCTCVM xây dựng chi nhánh, đại lý... là những giải pháp vô cùng quan trọng. ♦

#### **Tài liệu tham khảo:**

[1] ADB (2010), “*VietNam Microfinance Sector Assessment: Developing the Microfinance Sector Project ADB TA-7499-VIE*”, Prepared by PPTA Consultants for ADB, July 2010.

[2] Quốc hội (2010), *Luật số 47/2010/QH12 - Luật Các Tổ chức Tín dụng*.

[3] German Sparkassenstiftung for International Cooperation (2022), *Nghiên cứu chẩn đoán ngành tài chính vi mô chính thức tại Việt Nam*.

[4] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, website: <https://sbv.gov.vn>.

[5] Tổ chức Tài chính vi mô CEP, website: <http://www.cep.org.vn> (Thứ năm, ngày 23/02/2023 14:35).

[6] Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tỉnh thương, website: <http://tymfund.org.vn>.

[7] Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7, website: <http://www.m7mfi.vn>.

[8] Tổ chức tài chính vi mô TNHH Thanh Hóa, website: <https://thanhhoamfi.org.vn> ).

[9] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH ngày 19/1/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, *Công bố Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025*.

[10] Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 8/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến 2030.

#### **Summary**

The paper investigates the current situation of microcredit activities of official microfinance institutions in Vietnam in the following aspects: the institutions, product portfolios, customer numbers, outstanding credit balance and benefits obtained. From the situation analysis and the raising issues in developing the microcredit activities of microfinance institutions in Vietnam, the author proposes recommendations to promote micro-credit to microfinance institutions and the Government authorities, contributing to the comprehensive finance according to the Development Strategy of Vietnam Banking Sector till 2025 with a vision to 2030 and the National Target Program on Sustainable Poverty Reduction for the period 2020-2025.